SỞ GD&ĐT NGHỆ AN
TRƯỜNG THPT ĐÔ LƯƠNG 2

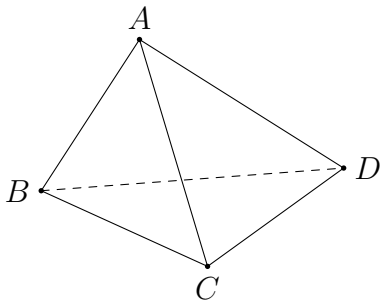
(Đề thi có 5 trang)

ĐỀ THI KSCL VÀ THI THỬ TN LỚP 12 LẦN 1
NĂM HỌC: 2026 - 2027
MÔN: TOÁN
Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên: ..... Số báo danh: ..... **Mã đề 0305**

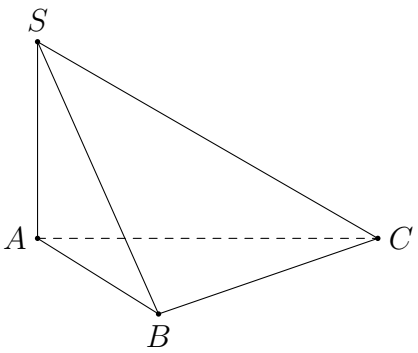
PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Cho tứ diện $ABCD$. Hỏi có bao nhiêu vectơ khác vectơ $\overrightarrow{0}$ mà mỗi vectơ có điểm đầu, điểm cuối là hai đỉnh của tứ diện $ABCD$?



A. 12. **B.** 10.
C. 8. **D.** 4.

Câu 2. Cho hình chóp $S.ABC$, đáy là tam giác đều cạnh $2a$, SA vuông góc với đáy và $SA = 4a$. Thể tích của hình chóp $S.ABC$ là



A. $8\sqrt{3}a^3$. **B.** $\dfrac{4\sqrt{3}a^3}{3}$.
C. $4\sqrt{3}a^3$. **D.** $\dfrac{8\sqrt{3}a^3}{3}$.

Câu 3. Chọn đáp án đúng.

A. Phương sai gấp đôi độ lệch chuẩn. **B.** Phương sai và độ lệch chuẩn bằng nhau.
C. Phương sai là căn bậc hai của độ lệch chuẩn. **D.** Phương sai là bình phương của độ lệch chuẩn.

Câu 4. Cho mẫu số liệu ghép nhóm về thống kê điểm số (thang điểm 20) của 100 học sinh tham dự kỳ thi học sinh giỏi toán, ta có bảng số liệu sau:

Điểm	$[8;10)$	$[10;12)$	$[12;14)$	$[14;16)$	$[16;18)$	$[18;20)$
Số học sinh	6	21	30	25	14	4

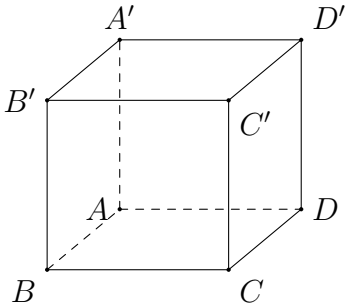
Số trung vị của mẫu số liệu ghép nhóm trên thuộc nhóm nào?

A. $[12;14)$. **B.** $[10;12)$. **C.** $[18;20)$. **D.** $[14;16)$.

Câu 5. Nghiệm của phương trình $3^{x+2} = \dfrac{1}{9}$ là

A. $x = 2$. **B.** $x = 0$. **C.** $x = -4$. **D.** $x = 4$.

Câu 6. Cho hình lập phương $ABCD.A'B'C'D'$. Mệnh đề nào sau đây sai?

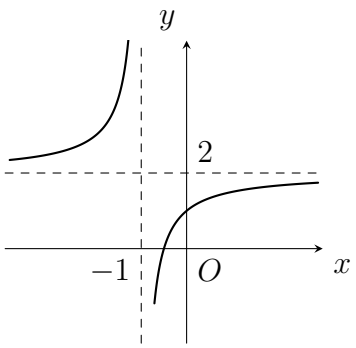


A. $\overrightarrow{AB} = \overrightarrow{CD}$. **B.** $\overrightarrow{AC} = \overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AD}$.
C. $\left|\overrightarrow{AB}\right| = \left|\overrightarrow{CD}\right|$. **D.** $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AD} + \overrightarrow{AA'} = \overrightarrow{AC'}$.

Câu 7. Một chiếc hộp chứa 9 quả cầu gồm 4 quả màu xanh, 3 quả màu đỏ và 2 quả màu vàng. Lấy ngẫu nhiên 3 quả cầu từ hộp đó. Xác suất để lấy được 3 quả màu xanh bằng

A. $\dfrac{1}{21}$. **B.** $\dfrac{1}{84}$. **C.** $\dfrac{27}{28}$. **D.** $\dfrac{1}{28}$.

Câu 8. Đồ thị của hàm số nào dưới đây có dạng như đường cong ở hình bên?



A. $y=\dfrac{x+3}{1-x}$. **B.** $y=\dfrac{x+2}{x+1}$.

C. $y=\dfrac{2x+1}{x+1}$. **D.** $y=\dfrac{x-1}{x+1}$.

Câu 9. Đường thẳng nào dưới đây là tiệm cận ngang của đồ thị hàm số $y=\dfrac{2x-5}{2x+1}$?

A. $y=-2$. **B.** $y=\dfrac{1}{2}$. **C.** $y=1$. **D.** $y=-\dfrac{1}{2}$.

Câu 10. Nghiệm của phương trình $\sin x=0$ là

A. $x=\dfrac{\pi}{2}+k\pi$. **B.** $x=-\dfrac{\pi}{2}+k2\pi$. **C.** $x=\dfrac{\pi}{2}+k2\pi$. **D.** $x=k\pi$.

Câu 11. Cho cấp số nhân (u_n) có $u_1=-3$ và có công bội $q=\dfrac{1}{4}$. Giá trị của u_3 bằng

A. $\dfrac{9}{4}$. **B.** $-\dfrac{3}{16}$. **C.** $-\dfrac{3}{8}$. **D.** $-\dfrac{3}{4}$.

Câu 12. Tính số tổ hợp chập 4 của 10 phần tử?

A. 24. **B.** 35. **C.** 720. **D.** 210.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho hàm số $y=f(x)$ có bảng biến thiên như sau:

x	$-\infty$		-1		1		3		$+\infty$
$f'(x)$		$-$	0	$+$	‖	$+$	0	$-$	
$f(x)$	$+\infty$	↘		↗	$+\infty$		-2	↘	
			1		$-\infty$	↗			$-\infty$

a) Hàm số có hai giá trị cực trị là -1 và 3.

b) Giá trị lớn nhất của hàm số trên nửa khoảng $(1;3]$ bằng -2.

c) Hàm số $y=f(x)$ đồng biến trên khoảng $(1;3)$.

d) Đồ thị hàm số $y=f(x)$ có tiệm cận đứng $x=1$.

Câu 2. Một chất điểm chuyển động theo phương trình $s(t)=-t^3+9t^2+21t+9$ với t tính bằng giây (s) là khoảng thời gian tính từ lúc vật bắt đầu chuyển động và S tính bằng mét (m) là quãng đường vật đi trong thời gian đó.

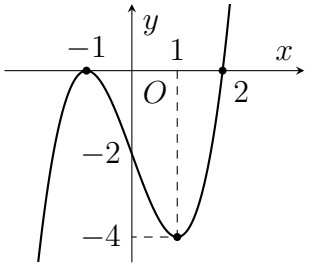
a) Vận tốc của chất điểm chuyển động tại thời điểm t (giây) là $v(t)=-3t^2+18t+21$.

b) Vận tốc của chất điểm tại giây thứ 2 là 45 m/s.

c) Quãng đường chất điểm đi được từ lúc bắt đầu đến lúc dừng hẳn là 255 (m).

d) Vận tốc chuyển động của chất điểm đạt giá trị lớn nhất tại thời điểm $t=3$ (s).

Câu 3. Cho hàm số $y=f(x)$. Có đồ thị như hình vẽ.



a) Đồ thị hàm số có điểm cực đại $(-1;-4)$.

b) Đồ thị hàm số $y=f(x)$ cắt trục hoành tại điểm $(2;0)$.

c) Hàm số $y=f(x)$ đồng biến trên khoảng $(1;3)$.

d) Giá trị nhỏ nhất của hàm số trên đoạn $[1;5]$ bằng -2.

Câu 4. Cho hình chóp đều $S.ABCD$ có cạnh đáy bằng $2a$, cạnh bên bằng $3a$. Gọi $O = AC \cap BD$.

a) Đáy $ABCD$ là hình vuông.

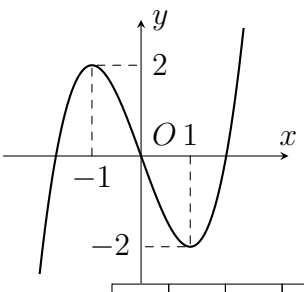
b) $SO = a\sqrt{7}$.

c) $\mathrm{d}\big(O,(SCD)\big) = 2\mathrm{d}\big(A,(SCD)\big)$.

d) $\mathrm{d}\big(A,(SCD)\big) = \dfrac{a\sqrt{14}}{4}$.

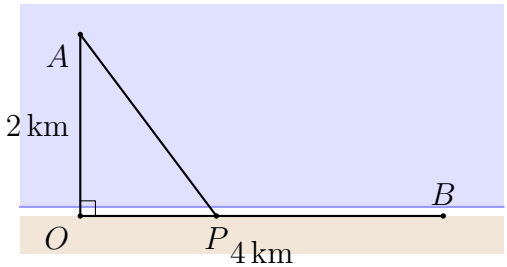
PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho hàm số bậc ba $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ bên. Hỏi đồ thị hàm số $y = \dfrac{(x^2+4x+3)\sqrt{x^2+x}}{x\big[f^2(x)-2f(x)\big]}$ có bao nhiêu đường tiệm cận đứng?



KQ: | | | | |

Câu 2. Anh Ba đang trên chiếc thuyền tại vị trí A cách bờ sông 2 km, anh dự định chèo thuyền vào bờ và tiếp tục chạy bộ theo một đường thẳng để đến một địa điểm B tọa lạc ven bờ sông, B cách vị trí O trên bờ gần với thuyền nhất là 4 km. Biết rằng anh Ba chèo thuyền với vận tốc 6 km/h và chạy bộ trên bờ với vận tốc 10 km/h. Khoảng thời gian (phút) ngắn nhất để anh Ba từ vị trí xuất phát đến được điểm B là bao nhiêu?

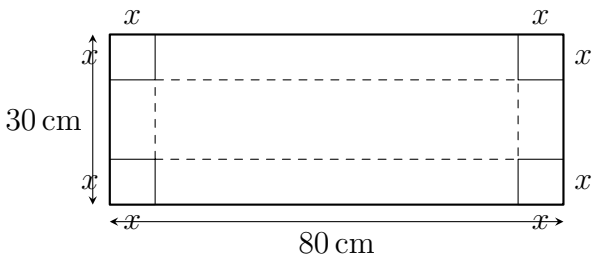


KQ: | | | | |

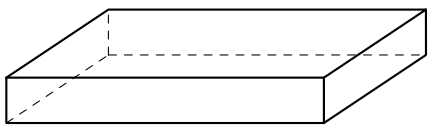
Câu 3. Cho hình chóp $S.ABCD$ có $SA \perp (ABCD)$, $SA = 3\sqrt{19}$, $ABCD$ là hình vuông cạnh bằng $\sqrt{19}$. Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng AC và SB.

KQ: | | | | |

Câu 4. Từ một tấm bìa hình chữ nhật có chiều rộng 30 cm và chiều dài 80 cm (Hình a), người ta cắt ở bốn góc bốn hình vuông có cạnh x (cm) với $5 \le x \le 10$ và gấp lại để tạo thành chiếc hộp có dạng hình hộp chữ nhật không nắp như Hình b, tìm x để thể tích hộp là lớn nhất (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm).



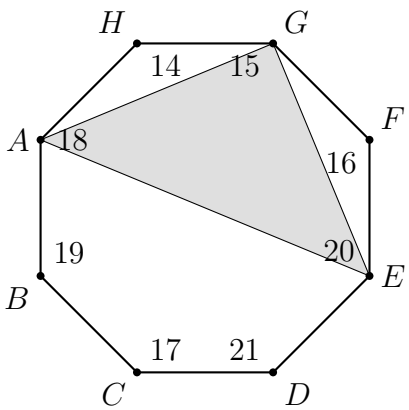
a)



b)

KQ: | | | | |

Câu 5. Cho một bát giác đều có 8 đỉnh, gắn ngẫu nhiên 8 số từ $\{14;15;16;17;18;19;20;21\}$ vào 8 đỉnh đó. Chọn ngẫu nhiên một tam giác có 3 đỉnh là đỉnh của bát giác. Xác suất chọn được tam giác vuông mà ba số trên ba đỉnh lập thành một cấp số cộng có dạng $\dfrac{m}{n}$ tối giản. Tính $8m + 17n$.



KQ: | | | | |

Câu 6. Một xưởng may rèm cửa gia đình, mỗi ngày hoàn thiện được x mét rèm ($1 \leq x \leq 18$). Tổng chi phí sản xuất x mét rèm, tính bằng nghìn đồng, cho bởi hàm chi phí $C(x) = x^3 - 3x^2 - 20x + 500$. Giả sử xưởng may bán hết sản phẩm mỗi ngày với giá 220 nghìn đồng/mét. Gọi $L(x)$ là lợi nhuận thu được khi bán x mét rèm. Hỏi lợi nhuận tối đa của xưởng may trong một ngày là bao nhiêu (đơn vị tính: nghìn đồng)?

KQ: | | | | |

HẾT

(Thí sinh không sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.)

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI THAM KHẢO

Được thực hiện bởi AI & TOANMATH.com

PHẦN I. CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN.

Câu 1. Mỗi vectơ khác $\vec{0}$ ứng với một cặp có thứ tự gồm hai đỉnh phân biệt của tứ diện nên số vectơ là $A_4^2 = 12$.

Chọn A.

Câu 2. Diện tích đáy $S_{ABC} = \dfrac{(2a)^2\sqrt{3}}{4} = a^2\sqrt{3}$.

Thể tích $V_{S.ABC} = \dfrac{1}{3}\cdot S_{ABC}\cdot SA = \dfrac{1}{3}\cdot a^2\sqrt{3}\cdot 4a = \dfrac{4\sqrt{3}a^3}{3}$.

Chọn B.

Câu 3. Phương sai bằng bình phương của độ lệch chuẩn.

Chọn D.

Câu 4. Cỡ mẫu $n = 100$, $\dfrac{n}{2} = 50$.

Tần số tích lũy của các nhóm lần lượt là $6; 27; 57; \ldots$

Vì $27 < 50 \le 57$ nên trung vị thuộc nhóm $[12;14)$.

Chọn A.

Câu 5. $3^{x+2} = \dfrac{1}{9} \Leftrightarrow 3^{x+2} = 3^{-2} \Leftrightarrow x+2 = -2 \Leftrightarrow x = -4$.

Chọn C.

Câu 6. Ta có $\overrightarrow{AB} = \overrightarrow{DC} = -\overrightarrow{CD}$ nên $\overrightarrow{AB} = \overrightarrow{CD}$ là sai.

Các mệnh đề còn lại đúng: $\left|\overrightarrow{AB}\right| = \left|\overrightarrow{CD}\right| = AB$, $\overrightarrow{AC} = \overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AD}$ (quy tắc hình bình hành),

$\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AD} + \overrightarrow{AA'} = \overrightarrow{AC'}$ (quy tắc hình hộp).

Chọn A.

Câu 7. Số phần tử của không gian mẫu là $n(\Omega) = C_9^3 = 84$.

Số cách lấy được 3 quả màu xanh là $C_4^3 = 4$.

Xác suất cần tìm là $P = \dfrac{4}{84} = \dfrac{1}{21}$.

Chọn A.

Câu 8. Từ đồ thị, tiệm cận ngang của đồ thị hàm số là $y=2$.

Trong bốn phương án, chỉ hàm số $y=\dfrac{2x+1}{x+1}$ có tiệm cận ngang $y=2$.

Chọn C.

Câu 9. Ta có $\lim\limits_{x\to\pm\infty}\dfrac{2x-5}{2x+1}=1$ nên tiệm cận ngang của đồ thị hàm số là $y=1$.

Chọn C.

Câu 10. $\sin x=0\Leftrightarrow x=k\pi$, $k\in\mathbb{Z}$.

Chọn D.

Câu 11. $u_3=u_1\cdot q^2=-3\cdot\left(\dfrac{1}{4}\right)^2=-\dfrac{3}{16}$.

Chọn B.

Câu 12. Số tổ hợp chập 4 của 10 phần tử là $C_{10}^4=210$.

Chọn D.

<u>PHẦN II</u>. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI.

Câu 1.

a) Sai. Hàm số đạt cực tiểu tại $x=-1$ với $y_{CT}=1$ và đạt cực đại tại $x=3$ với $y_{CĐ}=-2$. Hai giá trị cực trị là 1 và -2, còn -1 và 3 là các điểm cực trị.

b) Đúng. Trên nửa khoảng $(1;3]$ hàm số đồng biến nên giá trị lớn nhất là $f(3)=-2$.

c) Đúng. Trên khoảng $(1;3)$ ta có $f'(x)>0$ nên hàm số đồng biến trên khoảng $(1;3)$.

d) Đúng. Vì $\lim\limits_{x\to1^-}f(x)=+\infty$ nên đường thẳng $x=1$ là tiệm cận đứng của đồ thị hàm số.

Câu 2.

a) Đúng. $v(t)=s'(t)=-3t^2+18t+21$.

b) Đúng. $v(2)=-3\cdot2^2+18\cdot2+21=45$ (m/s).

c) Sai. Ta có $v(t)=0\Leftrightarrow-3t^2+18t+21=0\Leftrightarrow t=7$ (vì $t\ge0$).

Trên $[0;7)$ ta có $v(t)>0$ nên quãng đường chất điểm đi được từ lúc bắt đầu đến lúc dừng hẳn là $s(7)-s(0)=254-9=245$ (m).

d) Đúng. $v(t) = -3t^2 + 18t + 21 = -3(t-3)^2 + 48 \le 48$, dấu bằng xảy ra khi $t = 3$. Vậy vận tốc lớn nhất tại thời điểm $t = 3$ (s).

Câu 3.

a) Sai. Từ đồ thị, điểm cực đại của đồ thị hàm số là $(-1;0)$, điểm cực tiểu là $(1;-4)$.

b) Đúng. Đồ thị cắt trục hoành tại điểm $(2;0)$.

c) Đúng. Từ đồ thị, trên khoảng $(1;3)$ đồ thị đi lên nên hàm số đồng biến trên khoảng $(1;3)$.

d) Sai. Vì $1 \in [1;5]$ và $f(1) = -4 < -2$ nên giá trị nhỏ nhất của hàm số trên đoạn $[1;5]$ không thể bằng -2.

Câu 4.

a) Đúng. Hình chóp tứ giác đều có đáy $ABCD$ là hình vuông.

b) Đúng. Ta có $SO \perp (ABCD)$, $OA = \dfrac{AC}{2} = \dfrac{2a\sqrt{2}}{2} = a\sqrt{2}$.

$SO = \sqrt{SA^2 - OA^2} = \sqrt{9a^2 - 2a^2} = a\sqrt{7}$.

c) Sai. Đường thẳng AO cắt (SCD) tại C và $OC = \dfrac{1}{2}AC$ nên $d\big(O,(SCD)\big) = \dfrac{1}{2}d\big(A,(SCD)\big)$.

d) Sai. Gọi M là trung điểm CD, ta có $OM = a$, $CD \perp OM$, $CD \perp SO$ nên $CD \perp (SOM)$.

Kẻ $OH \perp SM$ tại H, khi đó $OH \perp CD$ nên $OH \perp (SCD)$, suy ra $d\big(O,(SCD)\big) = OH$.

$$\frac{1}{OH^2} = \frac{1}{SO^2} + \frac{1}{OM^2} = \frac{1}{7a^2} + \frac{1}{a^2} = \frac{8}{7a^2} \Rightarrow OH = \frac{a\sqrt{14}}{4}.$$

Do đó $d\big(A,(SCD)\big) = 2OH = \dfrac{a\sqrt{14}}{2}$.

<u>PHẦN III</u>. CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN.

Câu 1. Gọi $f(x) = ax^3 + bx^2 + cx + d$, $f'(x) = 3ax^2 + 2bx + c$.

Đồ thị đi qua O nên $d = 0$. Hàm số đạt cực trị tại $x = \pm 1$ nên $f'(1) = f'(-1) = 0$, suy ra $b = 0$, $c = -3a$.

Mà $f(1) = -2$ nên $a - 3a = -2 \Leftrightarrow a = 1$. Vậy $f(x) = x^3 - 3x$.

Khi đó $f^2(x) - 2f(x) = f(x)\big[f(x) - 2\big] = x\left(x^2 - 3\right)\left(x^3 - 3x - 2\right) = x\left(x^2 - 3\right)(x+1)^2(x-2)$.

Tập xác định $D = \left((-\infty;-1) \cup (0;+\infty)\right) \setminus \left\{-\sqrt{3};\sqrt{3};2\right\}$.

Với $x \in D$ ta có $x(x+1) > 0$ nên $y = \dfrac{(x+1)(x+3)\sqrt{x(x+1)}}{x^2\left(x^2-3\right)(x+1)^2(x-2)} = \dfrac{x+3}{x\left(x^2-3\right)(x-2)\sqrt{x(x+1)}}$.

Từ biểu thức rút gọn, khi $x \to 0^+$, $x \to \left(-\sqrt{3}\right)^-$, $x \to \left(\sqrt{3}\right)^-$ hoặc $x \to 2^+$ thì $y \to +\infty$; khi $x \to (-1)^-$ thì $y \to -\infty$.

Vậy đồ thị hàm số có 5 đường tiệm cận đứng là $x = 0$, $x = -1$, $x = -\sqrt{3}$, $x = \sqrt{3}$ và $x = 2$.

Đáp án: 5.

Câu 2. Gọi P là điểm anh Ba cập bờ. Nếu P nằm ngoài đoạn OB về phía O thì cập bờ tại O rút ngắn cả chặng chèo lẫn chặng chạy; nếu P nằm ngoài đoạn OB về phía B thì chèo thẳng đến B rút ngắn chặng chèo và bỏ được chặng chạy. Do đó chỉ cần xét P thuộc đoạn OB.

Đặt $OP = x$ (km), $0 \le x \le 4$. Khi đó $AP = \sqrt{x^2+4}$, $PB = 4 - x$.

Thời gian đi là $T(x) = \dfrac{\sqrt{x^2+4}}{6} + \dfrac{4-x}{10}$ (giờ).

$T'(x) = \dfrac{x}{6\sqrt{x^2+4}} - \dfrac{1}{10} = 0 \Leftrightarrow 5x = 3\sqrt{x^2+4} \Leftrightarrow 25x^2 = 9x^2 + 36 \Leftrightarrow x = \dfrac{3}{2}$ (vì $x \ge 0$).

$T(0) = \dfrac{11}{15}$, $T\left(\dfrac{3}{2}\right) = \dfrac{5}{12} + \dfrac{1}{4} = \dfrac{2}{3}$, $T(4) = \dfrac{\sqrt{5}}{3}$.

Thời gian ngắn nhất là $\dfrac{2}{3}$ giờ, tức là 40 phút.

Đáp án: 40.

Câu 3. Gọi O là tâm hình vuông $ABCD$. Qua B kẻ đường thẳng $d \parallel AC$, gọi (P) là mặt phẳng chứa SB và d.

Vì $AC \parallel (P)$ nên $d(AC, SB) = d\big(A, (P)\big)$.

Kẻ $AE \perp d$ tại E, kẻ $AH \perp SE$ tại H.

Ta có $d \perp AE$, $d \perp SA$ nên $d \perp (SAE)$, suy ra $d \perp AH$. Mà $AH \perp SE$ nên $AH \perp (P)$, do đó $d\big(A, (P)\big) = AH$.

Tứ giác $AEBO$ là hình chữ nhật nên $AE = BO = \dfrac{BD}{2} = \dfrac{\sqrt{19}\cdot\sqrt{2}}{2} = \dfrac{\sqrt{38}}{2}$.

$\dfrac{1}{AH^2} = \dfrac{1}{SA^2} + \dfrac{1}{AE^2} = \dfrac{1}{171} + \dfrac{4}{38} = \dfrac{1}{171} + \dfrac{18}{171} = \dfrac{1}{9} \Rightarrow AH = 3$.

Vậy $d(AC,SB)=3$.

Đáp án: 3.

Câu 4. Chiếc hộp có đáy là hình chữ nhật kích thước $(80-2x)$ và $(30-2x)$, chiều cao x.

Thể tích hộp là $V(x)=x(80-2x)(30-2x)=4x^3-220x^2+2400x$ với $5\le x\le 10$.

$V'(x)=12x^2-440x+2400=0\Leftrightarrow 3x^2-110x+600=0\Leftrightarrow x=\dfrac{20}{3}$ hoặc $x=30$ (loại).

$V(5)=7000$, $V\left(\dfrac{20}{3}\right)=\dfrac{200000}{27}$, $V(10)=6000$.

Thể tích hộp lớn nhất khi $x=\dfrac{20}{3}\approx 6,67$.

Đáp án: 6,67.

Câu 5. Số tam giác có 3 đỉnh là đỉnh của bát giác là $C_8^3=56$.

Tam giác có 3 đỉnh là đỉnh của bát giác đều nội tiếp đường tròn ngoại tiếp bát giác, nên tam giác đó vuông khi và chỉ khi có một cạnh là đường kính.

Bát giác đều có 4 đường chéo là đường kính, mỗi đường kính kết hợp với 1 trong 6 đỉnh còn lại tạo thành một tam giác vuông nên có $4\cdot 6=24$ tam giác vuông.

Xác suất chọn được tam giác vuông là $\dfrac{24}{56}$.

Vì 8 số được gắn ngẫu nhiên nên với mỗi tam giác đã chọn, bộ ba số trên ba đỉnh có thể là bất kỳ bộ nào trong $C_8^3=56$ bộ với khả năng như nhau.

Các bộ 3 số trong tập $\{14;15;16;17;18;19;20;21\}$ lập thành cấp số cộng: công sai 1 có 6 bộ, công sai 2 có 4 bộ, công sai 3 có 2 bộ, tổng cộng 12 bộ. Xác suất ba số lập thành cấp số cộng là $\dfrac{12}{56}$.

Hai biến cố trên độc lập nên xác suất cần tìm là $P=\dfrac{24}{56}\cdot\dfrac{12}{56}=\dfrac{9}{98}$, suy ra $m=9$, $n=98$.

Vậy $8m+17n=8\cdot 9+17\cdot 98=1738$.

Đáp án: 1738.

Câu 6. Lợi nhuận khi bán x mét rèm là $L(x)=220x-C(x)=-x^3+3x^2+240x-500$ với $1\le x\le 18$.

$L'(x)=-3x^2+6x+240=0\Leftrightarrow x=10$ hoặc $x=-8$ (loại).

$L(1)=-258$, $L(10)=1200$, $L(18)=-1040$.

Lợi nhuận tối đa trong một ngày là 1200 nghìn đồng.

Đáp án: 1200.

---------- HẾT ----------

Lưu ý:

+ Đề thi được gõ lại từ ảnh chụp, không phải bản chính thức từ đơn vị ra đề.

+ Lời giải chi tiết do AI thực hiện, chỉ mang tính chất tham khảo, không thay thế đáp án chính thức.

TOANMATH.com